

Số: 4687/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 28 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019
huyện Nhơn Trạch

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Xét Tờ trình số 152/TTr-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch, Tờ trình số 1620/TTr-STNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Nhơn Trạch với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Số lượng dự án, công trình thực hiện trong năm 2019

TT	Mục đích sử dụng đất	Số lượng dự án	Tổng diện tích (ha)
1	Đất quốc phòng	1	0,20

TT	Mục đích sử dụng đất	Số lượng dự án	Tổng diện tích (ha)
2	Đất an ninh	2	6,00
3	Đất khu công nghiệp	1	200,00
4	Đất cụm công nghiệp	1	4,00
5	Đất thương mại, dịch vụ	10	602,68
6	Đất phát triển hạ tầng	83	1.302,40
	- Đất xây dựng cơ sở văn hoá	4	3,40
	- Đất cơ sở y tế	2	5,97
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	14	137,00
	- Đất giao thông	34	1.100,09
	- Đất thủy lợi	10	43,96
	- Đất công trình năng lượng	16	4,62
	- Đất công trình bưu chính viễn thông	-	-
	- Đất chợ	2	7,35
	- Đất cơ sở khoa học	1	0,01
	- Đất công trình công cộng khác	-	-
7	Đất bãi thải, xử lý chất thải	-	-
8	Đất ở tại nông thôn	73	3.661,47
9	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	2	0,76
10	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	1	0,50
11	Đất cơ sở tôn giáo	12	9,54
12	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	-	-
13	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	1	20,00
14	Đất sinh hoạt cộng đồng	6	0,24
15	Đất nuôi trồng thủy sản	3	134,39
16	Đất trồng cây hàng năm khác	1	71,03
17	Đất trồng rừng sản xuất	1	27,90
Tổng số		200	6.076,19

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục 1; vị trí cụ thể các công trình được thể hiện trên bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Nhơn Trạch được Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch ký xác nhận ngày 25 tháng 12 năm 2018).

2. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất năm 2019 của hộ gia đình, cá nhân

- Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở tại nông thôn: 13,00 ha;
- Chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang đất thương mại dịch vụ của hộ gia đình, cá nhân: 1 ha;
- Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm: 5 ha

3. Số lượng dự án cần thu hồi đất năm 2019

TT	Mục đích sử dụng đất	Số lượng dự án	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)
1	Đất nông nghiệp khác	3	134,39	134,39
2	Đất rừng trồng sản xuất	1	27,90	27,90
3	Đất an ninh	2	6,00	6,00
4	Đất quốc phòng	1	0,20	0,20
5	Đất khu công nghiệp	1	200,00	180,00
6	Đất cụm công nghiệp	1	4,00	4,00
7	Đất phát triển hạ tầng	68	1.261,36	1.065,52
	Trong đó:			
	- Đất xây dựng cơ sở văn hoá	4	3,40	3,40
	- Đất xây dựng cơ sở y tế	2	5,57	5,57
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	8	132,89	132,89
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	-	-	-
	- Đất giao thông	33	1.077,15	881,31
	- Đất thủy lợi	9	40,46	40,46
	- Đất công trình năng lượng	12	1,89	1,89
	- Đất chợ	-	-	-
8	Đất ở tại nông thôn	69	3.337,03	2.630,89
9	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	1	0,56	
10	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	1	0,50	0,50
11	Đất cơ sở tôn giáo	12	12,49	10,70
12	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	-	-	-
13	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	1	20,00	20,00
14	Đất sinh hoạt cộng đồng	6	0,24	0,24
	Tổng	167	5.004,67	4.080,90

4. Số lượng dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2019

TT	Mục đích sử dụng đất	Số lượng dự án	Tổng diện tích (ha)	Trong đó sử dụng vào:	
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ
1	Đất nông nghiệp khác	1	71,03	12,00	
2	Đất khu công nghiệp	1	180,00	54,00	-
3	Đất thương mại, dịch vụ	1	550,00	72,71	84,24
4	Đất phát triển hạ tầng	26	1.151,59	374,52	3,97
	<i>Trong đó:</i>				
	- Đất xây dựng cơ sở văn hoá	2	2,08	0,23	-
	- Đất cơ sở y tế	1	0,57	0,07	-
	- Đất cơ sở giáo dục đào tạo	1	126,00	97,51	-
	- Đất giao thông	20	1.016,16	275,94	3,97
	- Đất thủy lợi	1	6,50	0,49	-
	- Đất công trình năng lượng	1	0,28	0,28	-
5	Đất ở tại nông thôn	29	1.649,41	939,89	-
6	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	1	0,50	0,50	-
	Tổng	59	3.602,53	1.453,62	88,21

5. Số lượng dự án hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất

TT	Mục đích sử dụng đất	Số lượng	Diện tích (ha)
1	Đất an ninh	1	10,00
2	Đất phát triển hạ tầng	3	9,65
	<i>Trong đó:</i>		
	- Đất công trình bưu chính viễn thông	1	0,05
	- Đất giao thông	1	8,90
	- Đất chợ	1	0,70
3	Đất ở tại nông thôn	2	90,13
4	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	1	0,56
5	Đất sinh hoạt cộng đồng	3	0,15
	Tổng	10	110,49

(Chi tiết các dự án thể hiện tại Phụ lục 2 kèm theo)

6. Chỉ tiêu các loại đất năm 2019

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp	21.526,84
1.1	Đất trồng lúa	3.203,15
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	2.819,23
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	3.331,60
1.3	Đất trồng cây lâu năm	5.412,76
1.4	Đất rừng phòng hộ	6.030,71
1.5	Đất rừng sản xuất	2.053,77
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	1.487,10
1.7	Đất nông nghiệp khác	7,76
2	Đất phi nông nghiệp	19.551,18
2.1	Đất quốc phòng	564,36
2.2	Đất an ninh	11,52
2.3	Đất khu công nghiệp	2.950,04
2.4	Đất cụm công nghiệp	94,00
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	577,15
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	133,07
2.7	Đất phát triển hạ tầng	3.528,51
	<i>Trong đó:</i>	
	- Đất xây dựng cơ sở văn hoá	41,22
	- Đất cơ sở y tế	20,54
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	281,52
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	32,67
	- Đất cơ sở khoa học công nghệ	0,01
	- Đất giao thông	2.719,34
	- Đất thủy lợi	173,02
	- Đất công trình năng lượng	54,46
	- Đất công trình bưu chính viễn thông	2,28
	- Đất chợ	15,18
	- Đất hạ tầng khác	188,28
2.8	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	9,76
2.9	Đất bãi thải, xử lý chất thải	2,74
2.10	Đất ở tại nông thôn	3.724,31
2.11	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	17,20
2.12	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	31,89

TT	Chi tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)
2.13	Đất cơ sở tôn giáo	33,53
2.14	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	70,11
2.15	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	38,67
2.16	Đất sinh hoạt cộng đồng	3,49
2.17	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	295,97
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	13,39
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	7.439,43
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	12,04

7. Kế hoạch thu hồi đất năm 2019

TT	Chi tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)
I	Đất nông nghiệp	3.673,25
1.1	Đất trồng lúa	1.388,78
	Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước	1.324,25
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	564,02
1.3	Đất trồng cây lâu năm	1.058,83
1.4	Đất rừng phòng hộ	88,21
1.5	Đất rừng sản xuất	305,23
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	268,19
2	Đất phi nông nghiệp	407,65
2.1	Đất khu công nghiệp	10,00
2.2	Đất thương mại dịch vụ	2,00
2.3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	5,56
2.4	Đất phát triển hạ tầng	159,10
	Trong đó:	
	- Đất cơ sở y tế	0,06
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	0,29
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	0,22
	- Đất giao thông	157,63
	- Đất thủy lợi	0,28
	- Đất công trình năng lượng	0,22
	- Đất chợ	0,41

TT	Chi tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)
2.5	Đất ở tại nông thôn	35,28
2.6	Đất cơ sở tôn giáo	2,00
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	1,25
2.8	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	9,77
2.9	Đất cơ sở tín ngưỡng	0,03
2.10	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	182,66
Tổng		4.080,90

8. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2019

TT	Chi tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	3.783,35
1.1	Đất trồng lúa	1.472,62
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>1.364,40</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	575,58
1.3	Đất trồng cây lâu năm	1.058,88
1.4	Đất rừng phòng hộ	88,21
1.5	Đất rừng sản xuất	313,49
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	274,58
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	6,58
	<i>Trong đó:</i>	
2.1	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	6,58
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	292,18

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 Quyết định này, Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch có trách nhiệm:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;
2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;

3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất, có trách nhiệm chỉ đạo, lập kế hoạch triển khai thực hiện các dự án đã được ghi trong kế hoạch sử dụng đất và chỉ đạo rà soát, kịp thời xử lý những dự án đã được ghi trong kế hoạch sử dụng đất nhưng chậm triển khai.

4. Đối với các dự án đã ghi trong kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm đã được điều chỉnh thời gian thực hiện sang năm 2019, Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch có trách nhiệm rà soát tiến độ thực hiện, phân nhóm các trường hợp cụ thể (chưa thực hiện, đã có hiện trạng nhưng chưa hoàn thành thủ tục, đang thực hiện thủ tục dở dang, ...), trong đó tách riêng các dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua để báo cáo xin ý kiến Hội đồng nhân dân tỉnh vào kỳ họp tới theo chỉ đạo tại Nghị quyết số 145/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Đồng thời, Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch có trách nhiệm lập kế hoạch, có biện pháp cụ thể để triển khai thực hiện và chịu trách nhiệm chỉ đạo hoàn thành các thủ tục pháp lý của các dự án này trong năm 2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Xây dựng; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giao thông và Vận tải; Công Thương; Y tế; Giáo dục và Đào tạo; Khoa học và Công nghệ; Thông tin và Truyền Thông; Văn hóa Thể thao và Du lịch; Tư pháp; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Công an tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch; Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Nhơn Trạch; các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Tỉnh ủy (b/c);
- Hội đồng nhân dân tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Hội đồng nhân dân huyện Nhơn Trạch;
- Chánh, Phó Văn phòng CNN;
- Lưu: VT, CNN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Văn Chánh



Phụ lục 01

PHANH MỤC CÔNG TRÌNH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2019

HUYỆN NHƠN TRẠCH

(Kèm theo Quyết định số **4687** /QĐ-UBND ngày **28** tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)
	A. Công trình chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2018		
	A.1. Đất nông nghiệp		
1	Vùng sản xuất rau an toàn (BQLDA Phát triển các mô hình nông lâm thủy sản huyện)	Phước An	71,03
2	Khu nuôi trồng thủy sản kết hợp với trồng rừng	Phước An	82,00
3	Khu nuôi tôm siêu thâm canh do Trung tâm Ứng dụng Tiên bộ Khoa học và Công nghệ - Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai làm chủ đầu tư.	Phước An	51,00
4	Khu NTTS Công ty Khai Sáng	Phú Đông	1,39
5	Trồng rừng kết hợp tạo cảnh quan sinh thái	Phước An	27,90
	A. 2. Đất quốc phòng		
6	Chốt dân quân thường trực KCN	Phước Khánh	0,20
	A. 3. Đất an ninh		
7	Trung tâm sát hạch lái xe (tổng cục Cảnh sát)	Phú Hội, Long Tân	5,00
8	Trụ sở phòng Cảnh sát PCCC trên sông	Phước Khánh	1,00
	A. 4. Đất khu công nghiệp		
10	Khu công nghiệp Ông Kèo	Phước Khánh	200,00
	A. 5. Đất cụm công nghiệp		
11	Cụm tiểu thủ Công nghiệp	Phú Thạnh, Vĩnh Thanh	4,00
	A. 6. Đất thương mại dịch vụ		
12	Dự án xây dựng khu vui chơi giải trí kết hợp xây dựng hồ bơi	Hiệp Phước	0,08
13	Trạm kinh doanh xăng dầu Long Tân	Long Tân	0,16
14	Khu dịch vụ cảng (Tập đoàn Dầu khí)	Phước An	550,00
15	Khu khai thác vật liệu xây dựng Vũng Gấm	Phước An	20,00
16	Cây xăng trên tuyến đường đê Ông Kèo thuộc xã Vĩnh Thanh	Vĩnh Thanh	0,73
17	Trạm Kinh doanh xăng dầu của Công ty Cổ phần Xăng Dầu Tín Nghĩa.	Phú Thạnh	0,28
18	Trạm xăng dầu xã Đại Phước (DNTN Thanh Dinh)	Đại Phước	0,11
19	Trạm xăng dầu khu dịch vụ xã Long Thọ	Long Thọ	0,20

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)
20	Trạm xăng Phước Thiện (trên đường Trần Phú)_ mã số 554	Phước Thiện	0,20
21	Trụ sở Quỹ tín dụng Vạn điểm	Phước Thiện	0,01
22	Khu trung tâm thương mại	Hiệp Phước, Long Thọ	50,91
	A. 7. Đất phát triển hạ tầng		
	A. 7.1. Đất xây dựng cơ sở văn hóa		
23	Trung tâm văn hóa xã Phú Hội	Phú Hội	1,00
24	Dự án xây dựng Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao và học tập cộng đồng xã Phú Hữu	Phú Hữu	1,20
25	Trung tâm Văn hoá thể thao	Vĩnh Thanh	0,88
26	Trung tâm văn hóa thể dục thể thao xã Phú Thạnh kết hợp NVH ấp 2	Phú Thạnh	0,32
	A. 7.2. Đất xây dựng cơ sở y tế		
27	Dự án xây dựng phòng Khám Đa Khoa do Công ty Cổ phần Đầu tư bãi Từ Long làm chủ đầu tư	Đại Phước	0,57
28	Bệnh viện đa khoa huyện (Trung tâm y tế huyện)	Phước An	5,00
	A. 7.3. Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo		
29	Trường Mầm non Phú Đông	Phú Đông	1,00
30	Trường mẫu giáo xã Phú Hội	Phú Hội	1,00
31	Trường mầm non mẫu giáo Phú Thạnh	Phú Thạnh	0,72
32	Trường mầm non Long Thọ	Long Thọ	0,90
33	Trường THCS Long Thọ 2	Long Thọ	1,09
34	Trường Tiểu học Long Thọ 2	Long Thọ	1,07
35	Mở rộng Trường tiểu học Phước Khánh	Phước Khánh	0,10
36	Mở rộng Trường THCS Phước Khánh	Phước Khánh	0,04
37	Trường TH Phú Thạnh (mở rộng)	Phú Thạnh	0,31
38	Trường THPT Phước Thiện	Phước Thiện	2,00
39	Mở rộng trường THCS Phú Hội	Phú Hội	0,70
	A. 7.4. Đất giao thông		
40	Đường liên cảng	Đại Phước, Phước Khánh, Phú Hữu, Phú Đông	149,80
41	Đường N1 từ khu TĐC Hiệp Phước 3 ra đường Hùng Vương	Hiệp Phước	0,32
42	Đường vào trung tâm đo kiểm	Hiệp Phước	0,09
43	Đường ranh khu TĐC Hiệp Phước 3	Hiệp Phước	0,78
44	Nâng cấp mở rộng đường 25B (Tôn Đức Thắng)	Hiệp Phước, Phước Thiện, Long Tân	87,60
45	Xây dựng đường Đôn xã Long Tân	Long Tân	6,36

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)
46	Xây dựng hạ tầng giao thông khu dân cư trung tâm huyện (trong đó có đường số 6 GD 1 diện tích 1,48 ha tại Phú Hội)	Long Tân, Phú Hội	43,66
47	Đường số 13 (từ khu 347 ha đến đường số 1)	Long Tân, Phú Hội	15,04
48	Dự án Nâng cấp mở rộng Đường số 2	Long Tân, Phú Hội, Vĩnh Thanh	2,69
49	Cầu đường Quận 9 - Nhơn Trạch (đường vành đai 3 vùng KTTĐ phía nam)	Long Tân, Phú Thạnh, Vĩnh Thanh	126,54
50	Nâng cấp mở rộng đường Giồng Ông Đông	Phú Đông	6,80
51	Đường Phú Tân Phú Đông	Phú Đông	11,88
52	Bãi đậu xe kết hợp trồng cây xanh	Phú Hội	1,12
53	Bãi đậu xe 3ha trong dự án Trồng cây xanh kết hợp bãi đậu xe 20 ha	Phú Hội	3,00
54	Bến cảng tổng hợp Phú Hữu (bến 2)	Phú Hữu	33,72
55	Mở rộng bến phà Cát Lái	Phú Hữu	0,13
56	Bến cảng tổng hợp Phú Hữu	Phú Hữu	35,47
57	Đường vào khu dân cư Sen Việt	Phú Hữu, Phú Đông	8,26
57	Đường từ KCN NT V đến HL 19 (Phước An)	Phước An	20,60
58	Đường vào KCN Ông Kèo	Phước An, Phước Khánh, Vĩnh Thanh	91,44
59	Cảng tổng hợp (Công ty Phúc Thành)	Phước Khánh	10,00
60	Dự án xây dựng đường dân sinh phục vụ xây dựng móng trụ 18 đường điện 220KV Nhơn Trạch - Cát Lái tại xã Phước Khánh	Phước Khánh	0,03
61	Đường số 3 xã Phước Thiện (769 đến KCN Nhơn Trạch 1)	Phước Thiện	5,04
62	Đường từ nhà máy nước Formosa đến KCN NT I	Phước Thiện	2,28
63	Đường 319 (nâng cấp mở rộng và nối dài)	Phước Thiện	54,00
64	Đường 25C	Vĩnh Thanh, Phú Thạnh Long Tân, Hiệp Phước, Phú Hội	102,70
65	Đường cao tốc liên vùng phía Nam (Long Thành - Bến Lức)	Vĩnh Thanh, Phước An, Phước Khánh	160,99
66	ICD kho số 5	Phú Thạnh	12,23
67	Đường vào Trạm biến áp 220KV Nhơn Trạch	Phú Thạnh	0,03
68	Dự án xây dựng dịch vụ hàng hải khu vực Cảng biển Nhóm 5 Nhơn Trạch do Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiên Thạch làm chủ đầu tư	Phước Khánh	25,42
69	Bến thủy nội địa Vĩnh Tân mở rộng	Long Tân	4,06
70	Nhà điều hành trạm thu phí đường 319 nối dài (Cường Thuận IDICO)	Phước Thiện	0,43

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)
71	Cảng Tổng hợp (Công ty Việt Thuận Thành)	Đại Phước, Phú Hữu	69,20
72	Cảng Tổng hợp Phú Hữu (Bến 4)	Phú Hữu	40,59
	A. 7.5. Đất thủy lợi		
73	Hệ thống thoát nước từ KCN Nhơn Trạch 1 đến rạch Bà Kỳ	Hiệp Phước	0,62
74	Hệ thống thoát nước khu vực cây xanh	Phú Hội, Long Tân, Phước An	24,20
75	Trạm xử lý nước thải số 1 (giai đoạn 1)	Phước An	6,50
76	Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch (giai đoạn 2)	Vĩnh Thanh, Phước Khánh, Long Tân, Phú Hội	4,26
77	Nạo vét tạm kênh thoát nước cuối đường số 2	Vĩnh Thanh	3,50
78	Bờ kè sông Vàm Mương- Lòng Tàu	Phước Khánh	1,40
79	Tuyến ống cấp nước từ QL 51 đến KCN VI	Long Thọ	2,00
80	Hệ thống thoát nước dọc HL 19 từ áp 1 đến áp 3	Hiệp Phước	0,70
81	Hệ thống thoát nước từ HL 19 đến kênh Bà Kỳ (2 công áp 1 và áp 2)	Hiệp Phước	0,28
82	Nạo vét kênh Bà Kỳ	Hiệp Phước	0,50
	A. 7.6. Đất công trình năng lượng		
83	Dự án Đường dây điện 110KV 02 mạch kết nối khu công nghiệp Dệt May - Nhơn Trạch 6 - Nhơn Trạch 3 - Long Thành	Hiệp Phước, Long Thọ	0,10
84	Dự án Bổ sung diện tích dự án Đường dây 220KV Nhơn Trạch - Nhà Bè	Phước Khánh	0,14
85	Dự án Bổ sung diện tích dự án Đường dây 220KV Phú Mỹ - Nhà Bè	Phước Khánh	0,10
86	Dự án bổ sung diện tích dự án Đường dây 220KV Phú Mỹ - Cát Lái	Phước Khánh	0,08
87	Dự án bổ sung diện tích dự án Đường dây 500KV Phú Mỹ- Nhà Bè	Phước Khánh	0,20
88	Dự án Bổ sung diện tích dự án Đường dây 220KV Nhơn Trạch - Cát Lái	Phước Khánh, Vĩnh Thanh	0,18
89	Dự án bổ sung diện tích dự án Đường dây 110KV Long Thành - KCN Ông Kèo	Vĩnh Thanh	0,05
90	Dự án Đường dây điện 110KV Trạm 220KV thành phố Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh, Phước An	0,22
91	Nâng cấp Đường dây 110KV Long Thành - Hyosung từ 02 mạch lên 04 mạch cấp điện cho TBA Hyosung	Long Tân, Phước Thiên, Phú Hội	0,03
92	Đường dây 110 KV 02 mạch Hyosung 2 đầu nối chuyên tiếp vào đường dây 110KV Hyosung - Dệt may	Vĩnh Thanh, Phước An	0,10
93	Trạm biến áp 220KV An Phước	Hiệp Phước	0,28
94	Trạm biến áp 110KV KCN Ông Kèo và Đường dây đầu nối	Phú Thạnh, Vĩnh Thanh	1,30
95	Đường dây 110KV Long Thành - Nhơn Trạch	Hiệp Phước, Phước Thiên, Long Tân	0,12

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)
96	Trạm biến áp 110kV khu công nghiệp Ông Kèo & đầu nổi	Phú Thạnh, Vĩnh Thanh	1,30
97	Lộ ra 110kV máy 2 trạm 220kV Bàu Sen	Phú Thạnh, Vĩnh Thanh, Phước An	0,40
98	Đường dây 110KV Long Thành - Nhơn Trạch	Các xã	0,02
	A. 7.7. Đất chợ		
99	Chợ và khu phố thương mại trong KDC Đại Lộc	Đại Phước	3,05
100	Chợ nổi tại xã Phước An	Phước An	4,30
	A. 7.8. Đất cơ sở khoa học		
101	9 Giếng quan trắc động thái nước dưới đất tại các xã thuộc huyện	Hiệp Phước, Phước Thiện, Phước An, Long Thọ, Phú Thạnh	0,01
	A. 8. Đất ở		
	A. 8.1. Khu tái định cư		
102	Khu tái định cư Hiệp Phước 3	Hiệp Phước	12,78
103	Khu Tái định cư Long Tân	Long Tân	21,00
104	Khu dân cư phục vụ tái định cư (Hiện hữu và mở rộng)	Phú Hội	17,29
105	Khu tái định cư Phước An	Phước An	40,00
106	Khu tái định cư Phước Thiện	Phước Thiện	14,90
107	Khu tái định cư Vĩnh Thanh	Vĩnh Thanh	25,00
	A. 8.2. Khu dân cư, chung cư		
108	Khu chung cư cao tầng	Long Tân, Phú Hội	1,00
109	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Nhơn Thành)	Đại Phước	2,00
110	Khu dân cư xã Đại Phước do Công ty TNHH MTV BĐS Bảo Cường làm chủ đầu tư	Đại Phước	9,60
111	Khu Đô thị Du lịch Đại Phước	Đại Phước	130,75
112	Khu dân cư Đại Phước - Phú Hữu (Công ty Thảo Điền)	Đại Phước, Phú Hữu	64,13
113	Khu Chợ và khu dân cư (Công ty Dân Xuân)	Hiệp Phước	18,33
114	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Thăng Long Hiệp Phước)	Hiệp Phước	9,84
115	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty DIC)	Hiệp Phước	21,50
116	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Sánh Sinh Phúc)	Hiệp Phước	2,70
117	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Hoàng Anh An Hòa)	Hiệp Phước	4,75
118	KDC Long Tân (Công ty Lắp máy Điện nước)	Long Tân	62,36
119	Khu dân cư Long Tân (Công ty Ngũ Long Tân)-Free land	Long Tân	125,00
120	Khu dân cư Long Tân (1) (Công ty Điền Phước)	Long Tân	95,00
121	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Phương Đông)	Long Tân	35,00

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)
122	Khu dân cư Cty Takwangvina mở rộng	Long Tân	0,30
123	Khu dân cư Long Tân - Phú Hội (Công ty SaCom)	Long Tân, Phú Hội	55,70
124	Khu dân cư thương mại (Công ty Đại Viễn Dương)	Long Tân, Phú Hội	9,90
125	Khu dân cư (Công ty Tiến Lộc)	Long Thọ	18,50
126	Khu dân cư (Công ty Thái Dương SunCo)	Phú Hội	9,17
127	Khu dân cư xã Phú Hội do Công ty Toàn Thành làm chủ đầu tư	Phú Hội	4,00
128	Khu dân cư xã Phú Hội do Công ty Cổ phần Địa Ốc Toàn Thành làm chủ đầu tư	Phú Hội	4,00
129	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Tây Hồ)	Phú Hữu	199,00
130	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Phú Hữu Gia)	Phú Hữu	56,00
131	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty An Gia)	Phú Hữu	4,45
132	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Cổ phần Đầu tư Nhơn Trạch)	Phú Thạnh	90,00
133	Trung tâm HCVHTT kết hợp chợ, phố chợ (Công ty Cổ phần Đầu tư Nhơn Trạch)	Phú Thạnh	48,18
134	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Cổ phần Đầu tư Nhơn Trạch)	Phú Thạnh, Long Tân, Vĩnh Thanh	753,00
135	Khu dân cư Phước An (Công ty lắp máy Điện nước)	Phước An	40,00
136	Khu dân cư Phước An (Công ty Đệ Tam)	Phước An	47,39
137	Khu dân cư Phước An (Công ty HUD)	Phước An, Long Thọ	50,00
138	KDC Phước Thiện (Công ty Khang An)	Phước Thiện	35,90
139	Khu dân cư xã Phước Thiện (Công ty Hoàng Trạch)	Phước Thiện	12,00
140	Khu dân cư Phước Thiện (4) (Công ty Tài Tiến)	Phước Thiện	39,15
141	Khu dân cư Phước Thiện (4) (Công ty Licogi và Hiệp Phước Khánh)	Phước Thiện	35,00
142	Khu dân cư Phước Thiện (Công ty Toàn Thành)	Phước Thiện	43,48
143	Khu dân cư Vĩnh Thanh - Phú Thạnh (1) (Công ty Thảo Điền)	Vĩnh Thanh, Phú Thạnh	92,00
144	Dự án xây dựng Khu dân cư xã Đại Phước do Công ty Cổ phần Đầu tư Đất Ngọc làm chủ đầu tư.	Đại Phước	4,50
145	Dự án xây dựng Khu dân cư xã Long Tân do Công ty Cổ phần Địa ốc Quốc Hương làm chủ đầu tư	Long Tân	9,50
146	Dự án xây dựng Khu dân cư tại xã Phú Hội do Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhơn Trạch Nhơn Trạch làm chủ đầu tư	Phú Hội	8,00
147	Khu dân cư xã Phước Thiện do Công ty TNHH Hương Nga làm chủ đầu tư	Phước Thiện	4,87
148	Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty TNHH Kinh doanh Nhà Khang Việt Hưng làm chủ đầu tư.	Long Tân	46,50
149	Khu dân cư thương mại kết hợp TMDV cấp vùng (Cty CP Lắp máy điện nước và Xây dựng)	Long Tân	88,41
150	Khu dân cư Long Tân (Cty CP Đầu tư Sao Mai)	Long Tân	34,19

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)
151	Dự án xây dựng Khu dân cư Long Tân - Phú Hội (Công ty PVII)	Long Tân, Phú Hội	9,99
152	Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty Cổ phần Thiên Hà Group làm chủ đầu tư	Phú Đông	3,29
153	Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng đô thị An Hòa làm chủ đầu tư	Phú Hội	34,04
154	Khu dân cư nhà ở biệt thự nghỉ dưỡng Long Đức	Phú Thạnh	8,16
155	Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty Cổ phần Đầu tư Căn Nhà Mơ Ước làm chủ đầu tư	Phước An	43,20
156	Khu dân cư theo QH (Địa ốc Minh Khang)	Phước Thiện	9,90
157	Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Địa ốc Sài Gòn	Phước Thiện	16,18
158	Khu đô thị du lịch sinh thái tại Long Tân -Phú Thạnh	Long Tân, Phú Thạnh	331,00
159	Khu dân cư Phước An (Công ty Bảo Giang)	Phước An	70,00
160	Khu nhà ở xã hội tại xã Phước An (Cty CP Lắp máy Điện nước và xây dựng)	Phước An	2,12
161	Khu dân cư kết hợp thương mại dịch vụ (Cty Địa ốc Long Đăng)	Phước Thiện	8,20
162	Khu dân cư theo QH (Địa ốc Minh Khang) phân mở rộng từ 9,9 ha theo KH duyệt lên 11,9 ha	Phước Thiện	2,00
163	Khu dân cư Phước Thiện (1) (Địa ốc Sài Gòn)	Phước Thiện, Phú Hội	16,27
164	Khu dân cư Vĩnh Thanh (Cty Địa ốc Phú Nhuận)	Vĩnh Thanh	46,09
165	Khu nhà ở công nhân KCN I	Phước Thiện	10,00
	A. 9. Đất xây dựng trụ sở cơ quan		
166	Nhà kho lưu trữ chuyên dụng (Phòng nội vụ)	Phú Hội	0,56
167	Đội thanh tra giao thông số 8	Phú Hội	0,20
	A. 10. Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp		
168	Dự án xây dựng Trung tâm quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường	Hiệp Phước	0,50
	A. 11. Đất sinh hoạt cộng đồng		
169	Trụ sở ấp Phú Mỹ 1	Phú Hội	0,04
170	Nhà văn hoá kết hợp Văn phòng ấp Chợ	Phước Thiện	0,03
	A. 12. Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng		
	A. 13. Đất cơ sở tôn giáo		
171	Chùa Long Hương (mở rộng)	Long Tân	1,76
172	Giáo xứ Nghĩa Hiệp	Vĩnh Thanh	0,02
173	Giáo xứ Mỹ Hội (khu nhà từ thiện)	Phú Hội	0,20
174	Họ đạo Cao đài Đại Phước	Phú Hữu	0,04
175	Họ đạo Long Tân	Long Tân	0,10
	A. 14. Đất sinh hoạt cộng đồng		
176	Nhà văn hóa ấp Vĩnh Tuy	Long Tân	0,05

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)
177	Nhà Văn hóa Hòa Bình xã Vĩnh Thanh	Vĩnh Thanh	0,04
178	Nhà Văn hóa Ấp Thống Nhất	Vĩnh Thanh	0,05
179	Nhà Văn hóa ấp Vĩnh Cửu	Vĩnh Thanh	0,03
	A. 15. Khu đất đấu giá		
180	Khu dân cư theo quy hoạch	Phước An	64,00
181	Khu đất Lâm nghiệp Sài Gòn	Phước An, Long Thọ, Hiệp Phước, Long Tân	245,58
	B. Các dự án đăng ký mới trong năm 2019		
	B. 1. Đất cơ sở hạ tầng		
	B. 1.1. Đất cơ sở giáo dục		
1	Cơ sở 2 Đại học Y được TP HCM	Long Tân, Phước Thiện	126,00
2	Trường mầm non Phước Long	Long Thọ	0,07
3	Trường MG-TH-THCS Đông Sài Gòn (Công ty CP Nguyên Cường)	Long Tân	2,00
	B. 1.2. Đất công trình giao thông		
4	Đường ra cảng Phước An đoạn 1 (từ nút giao 319 đến đường cao tốc Bến Lức Long Thành)	Long Thọ	3,20
5	Cầu Mít (trên Hương lộ 12)	Long Thọ	0,06
	B.2. Đất ở nông thôn		
6	Khu nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ xã Phước Thiện	Phước Thiện	3,30
7	Dự án khu dân cư Công ty Nhơn Thành	Phước An	36,87
8	Dự án khu dân cư Công ty Cổ phần KCN Miền Nam	Long Tân, Phước An	40,95
9	Khu đô thị du lịch sinh thái six senses saigon river (Công ty Hai Dung)	Đại Phước	55,33
10	Khu dân cư đô thị The Lake(Cty ĐTTMXK 3L Sài Gòn)	Long Tân	35,30
11	Khu dân cư dự án (Cty Vạn Khởi Thành)	Phú Hội	7,06
12	Khu dân cư quy hoạch (DNTN Vạn Thịnh Phong)	Vĩnh Thanh	6,62
	B.3. Đất cơ sở tôn giáo		
13	Thiền viện Hương Nghiêm	Phú Đông	0,54
14	Chùa Pháp Thường (mở rộng)	Phú Đông	3,90
15	Thiền Viện Trúc Lâm Tuệ Giác	Vĩnh Thanh	2,00
16	Giáo xứ Nghĩa Mỹ	Vĩnh Thanh	0,63
17	Tịnh thất Huyền Trang	Long Thọ	0,05
18	Tịnh thất Phước Quang	Phú Hội	0,05
19	Chùa Khánh Lâm	Phú Thạnh	0,25
	C. Chỉ tiêu Chuyên mục đích của hộ gia đình, cá nhân năm 2019		

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)
20	Chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất thương mại dịch vụ	Các xã	5,00
	<i>Trong đó chuyển từ đất trồng lúa sang đất thương mại dịch vụ</i>	<i>Các xã</i>	<i>2,00</i>
21	Chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất ở phù hợp với quy hoạch	Các xã	23,00
	<i>Trong đó: Đất trồng lúa chuyển sang đất ở phù hợp với quy hoạch</i>	<i>Các xã</i>	<i>13,00</i>
22	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm phù hợp với quy hoạch	Các xã	5,00



Phụ lục 02

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN HỦY KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

(kèm theo Quyết định số 4687 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm đăng ký kế hoạch	Lý do
1	Công trình ANTT tại khu vực ngã 3 sông Đồng Tranh	Phước An	10,00	2015	Công trình chưa thực hiện
2	Trạm hàng hải quản lý luồng sông Đồng Nai	Phú Hữu	0,56	2015	Công trình chưa thực hiện
3	Bến xe khách (Công ty Hào Bàng)	Phước An	8,90	2015	Công trình chưa thực hiện
4	Trạm giao dịch viễn thông Hiệp Phước	Hiệp Phước	0,05	2015	Công trình chưa thực hiện
5	Chợ xã Long Tân	Long Tân	0,70	2015	Công trình chưa thực hiện
6	Văn phòng ấp 1	Hiệp Phước	0,05	2015	Công trình chưa thực hiện
7	Văn phòng ấp 2	Hiệp Phước	0,05	2015	Công trình chưa thực hiện
8	Nhà văn hoá kết hợp Văn phòng ấp Phú Tân	Phú Đông	0,05	2015	Công trình chưa thực hiện
9	Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hiệp Phú làm chủ đầu tư	Long Tân	22,28	2016	Công trình chưa thực hiện
10	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Vận tải Dầu khí Sông Đà)	Vĩnh Thanh	90,00	2015	Công trình chưa thực hiện